

CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC ÁP DỤNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VỀ GIỚI HẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ

TRẦN THỊ ÁNH⁽¹⁾

Tóm tắt: Trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế và cải cách tư pháp ở nước ta, Tòa án giữ vị trí trung tâm, xét xử là hoạt động trọng tâm. Việc thực hiện đúng quy định giới hạn của việc xét xử sơ thẩm trong tố tụng hình sự có ý nghĩa quan trọng bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân; góp phần tạo niềm tin của người dân đối với nền tư pháp Việt Nam. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng quy định này bị chi phối bởi nhiều yếu tố khác nhau, ảnh hưởng đến các phán quyết của Tòa án. Bài viết phân tích các yếu tố tác động đến việc áp dụng quy định giới hạn xét xử sơ thẩm trong tố tụng hình sự, làm cơ sở định hướng giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả hoạt động xét xử trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Yếu tố tác động; giới hạn xét xử; tố tụng hình sự.

Abstract: In the process of international economic integration and judicial reform, the Court plays the central role; judging is the key activity. Strict compliance with the provisions of first instance trial in criminal proceedings is crucial to protecting justice, human rights and citizens' rights, creating people's trust in the Vietnamese judiciary. However, the practice of applying this regulation is influenced by many different factors, affecting the Court's decisions. The paper analyzed factors affecting the application of first instance trial limit in criminal proceedings in order to propose solutions to improve legislation on first instance trial and its effectiveness.

Key words: Influencing factor; trial limit; criminal procedure.

Ngày nhận bài: 7/11/2019; Ngày sửa bài: 14/12/2019; Ngày duyệt đăng bài: 27/02/2020.

1. Đặt vấn đề

Giới hạn xét xử (GHXX) là chế định quan trọng trong pháp luật tố tụng hình sự nước ta và được quy định khác nhau ở các cấp xét xử. Giới hạn xét xử sơ thẩm trong tố tụng hình sự được hiểu là phạm vi những người, những hành vi mà Tòa án cấp sơ thẩm được quyền xem xét và ra các quyết định trên cơ sở nội dung truy tố của Viện kiểm sát để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Việc xác định đúng nội dung chế định "giới hạn của việc xét xử" sơ thẩm giúp cho các cơ quan tiến hành tố tụng nhận thức đầy đủ

chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong việc xét xử các vụ án hình sự. Điều đó, góp phần định hướng, nâng cao chất lượng hoạt động xét xử của các cấp Tòa án; kịp thời bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước, xã hội và của công dân; phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm một cách hiệu quả. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng quy định giới hạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự bị chi phối bởi nhiều yếu tố khác nhau trong đời sống xã hội, đặc biệt trong bối cảnh hội

⁽¹⁾ Giảng viên, Đại học Kiên Giang.
Email: anh06478@gmail.com.

nhập kinh tế quốc, đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến tính khách quan của các hoạt động tố tụng hình sự nói chung và các phán quyết của Tòa án nói riêng. Những yếu tố đó bao gồm cả yếu tố khách quan và chủ quan, tác động tích cực và không tích cực.

2. Yếu tố khách quan tác động đến việc áp dụng quy định giới hạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

2.1. Yếu tố tổ chức, thẩm quyền xét xử

Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc tổ chức và thực hiện quyền tư pháp nói chung và thực hiện hoạt động xét xử nói riêng được xác định trong Hiến pháp, Nghị quyết của Đảng, các đạo luật về tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp trong hệ thống tư pháp. Cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với công tác tư pháp: tập trung lãnh đạo chặt chẽ về chính trị tư tưởng, tổ chức và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tư pháp. Có thể kể cập như Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới; Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005, về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về "Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020"; Kết luận số 92-KL/TW ngày 12 tháng 3 năm 2014 về việc thực hiện chiến lược cải cách tư pháp... các văn bản quan trọng đó thể hiện nhất quán quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về công cuộc cải cách tư pháp trong tình hình mới. Cơ cấu hệ thống cơ quan tư pháp được tổ chức theo hành chính - lãnh thổ đã thể hiện sự chỉ đạo sâu sát của các cấp đảng ủy và chính quyền, phát huy vai trò lãnh đạo của

Đảng đối với đời sống chính trị - xã hội nói chung và hoạt động tư pháp nói riêng, đặc biệt là cơ cấu tổ chức của hệ thống Tòa án nhân dân (TAND) Theo Luật Tổ chức TAND hiện hành, hệ thống TAND gồm: TAND tối cao; TAND cấp cao; TAND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; TAND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương; Tòa án quân sự. Ở mỗi cấp tòa án đều có cơ cấu tổ chức chặt chẽ, gắn liền với từng cấp đơn vị hành chính lãnh thổ và thẩm quyền xét xử các vụ án, vụ việc khác nhau. Trong tố tụng hình sự (TTHS), thẩm quyền xét xử sơ thẩm vụ án hình sự (VAHS) của các cấp tòa án được xác định trong giới hạn nhất định được quy định tại Điều 268 Bộ luật TTHS. Qua đó, cho thấy yếu tố tổ chức, thẩm quyền tác động, chi phối nhiều đến việc áp dụng pháp luật TTHS nói chung và quy định GHXX sơ thẩm nói riêng của cơ quan tiến hành tố tụng.

Mặt khác, cơ chế giám sát từ Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc và các thành viên là một trong những kênh tác động tích cực đến việc thực hiện pháp luật, đặc biệt là pháp luật TTHS liên quan trực tiếp đến quyền con người, quyền công dân. Với chức năng, nhiệm vụ của mình, các cơ quan nêu trên đã phát huy tích cực vai trò đại diện, làm chủ của Nhân dân, góp phần đảm bảo dân chủ, công bằng xã hội bằng hoạt động giám sát; tham gia vào việc tuyển chọn đội ngũ Kiểm sát viên (KSV), Thẩm phán và giới thiệu bầu Hội thẩm; chất vấn người đứng đầu ngành kiểm sát, tư pháp, tòa án; tiếp nhận và đề nghị giải quyết tố cáo liên quan đến tư pháp hình sự; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức; phát huy

vai trò của các cơ quan truyền thông trong việc đưa tin về những vi phạm pháp luật trong hoạt động TTHS.... Điều đó đã ảnh hưởng đến việc thực hiện pháp luật TTHS, trong đó có quy định về giới hạn của việc xét xử sơ thẩm.

Bên cạnh những tác động tích cực từ yếu tố nêu trên, hiện nay vẫn còn tồn tại một số vướng mắc cần tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện góp phần làm hoạt động xét xử nói chung và xét xử hình sự nói riêng thật sự độc lập, khách quan để các phán quyết “*dùng người, dùng tội, dùng pháp luật*”. Tòa án là cơ quan xét xử của Nhà nước ta, tức nhân danh Nhà nước thực hiện chức năng xét xử (quyết định một người có tội hay có tội và chịu trách nhiệm trước Nhà nước), vì thế chỉ có pháp luật mới “*chi phối*” hoạt động xét xử của Tòa án. Việc tổ chức hệ thống Tòa án ở nước ta vẫn còn theo đơn vị hành chính - lãnh thổ, thực tế cho thấy Tòa án không thể độc lập thực sự, nhiều hiện tượng can thiệp của chính quyền địa phương, của tổ chức Đảng vào hoạt động xét xử, làm cho Tòa án không thể vô tư, khách quan khi phán quyết. Mặt khác với cơ chế bổ nhiệm các chức danh tư pháp theo nhiệm kỳ như hiện nay thì sự phụ thuộc của đội ngũ này vào những người có chức có quyền, thủ trưởng đơn vị là điều khó tránh khỏi. Vì thế, cần tiếp tục nghiên cứu đổi mới cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với cơ cấu tổ chức của hệ thống cơ quan xét xử để đảm bảo hệ thống cơ quan này thực sự độc lập, thực hiện đúng chức năng hiến định - chức năng xét xử để bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa (XHCN).... Ngoài ra, việc đào tạo lại đội ngũ điều tra viên, KSV, Thẩm phán cũng là một trong những vấn

đề cần quan tâm, thực hiện để đáp ứng yêu cầu đổi mới tư pháp hiện nay. Do đó, cần phải có hình thức tuyển chọn bổ nhiệm, đào tạo các chức danh tư pháp cho phù hợp với yêu cầu của tình hình mới. Một số quốc gia trên thế giới như Anh, Mỹ, Pháp.... Thẩm phán được xem là một nghề nên muốn trở thành Thẩm phán phải học theo chương trình đào tạo và được bổ nhiệm một lần suốt đời và họ chỉ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm do sức khỏe không đảm đương được nhiệm vụ hoặc vi phạm pháp luật hình sự.

2.2. Yếu tố pháp luật

Trong giai đoạn hội nhập và thời kỳ phát triển của khoa học công nghệ hiện đại, việc quy định một hệ thống pháp luật tương hợp để hòa nhập là điều hết sức cần thiết để bảo vệ lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Trong lĩnh vực TTHS, hệ thống văn bản như Luật Tổ chức TAND, Luật tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân năm 2014, Bộ luật TTHS, Bộ luật Hình sự, nghị quyết, thông tư liên ngành,... đây là những đạo luật, văn bản quan trọng, trực tiếp liên quan đến tổ chức, hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng; tiêu chuẩn bổ nhiệm đội ngũ cán bộ tư pháp nói chung; quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tư pháp, tạo cơ sở pháp lý để các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện đúng chức năng, góp phần duy trì trật tự xã hội, bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Về công tác xây dựng, hướng dẫn thi hành pháp luật: Năm 2018, ngành Kiểm sát đã phối hợp xây dựng, chỉnh lý 17 dự án luật, phối hợp xây dựng 10 Thông tư liên tịch và trực tiếp chủ trì ban hành 08 Thông tư

liên tịch¹⁷: Ngành Tòa án đã phối hợp xây dựng trình Quốc thông qua 06 dự án luật, ban hành 01 Thông tư; ban hành 15 Thông tư liên tịch; tham gia nghiên cứu, góp ý đối với 08 văn bản thuộc lĩnh vực pháp luật quốc tế; chủ trì tham gia xây dựng góp ý 10 Đề án liên quan ngành. Ngoài ra, để tạo thuận lợi cho các Tòa án trong quá trình nghiên cứu, áp dụng án lệ vào thực tiễn xét xử, TANDTC đã ký quyết định công bố 10 án lệ; có 313 bản án, quyết định của các Tòa án đã viện dẫn án lệ trong quá trình giải quyết vụ án; biên tập và xuất bản Cuốn án lệ và bình luận án lệ - Tập I¹⁸. Việc xây dựng hệ thống pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật TTHS đã tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc áp dụng thống nhất pháp luật TTHS nói chung và quy định GHXX sơ thẩm nói riêng: là “*hành lang pháp lý*” quan trọng để các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ trong quá trình giải quyết VAHS, đảm bảo quyền con người trong TTHS, bảo vệ công lý. Việc thực hiện đúng quy định GHXX sơ thẩm đòi hỏi nhiều yếu tố, trong đó một yếu tố rất cần thiết làm nền tảng đó là yếu tố pháp luật, đặc biệt là những quy định về cơ chế phối hợp để thực hiện đúng nội dung quy định GHXX sơ thẩm. Về công tác bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ: năm 2018, Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC) đã tổ chức 02 khóa (07 lớp) đào tạo nghiệp vụ xét xử cho 391 học viên; 01 lớp đào tạo nghiệp vụ Thư ký Tòa án bằng hình thức trực tuyến cho 1.159 học viên; 05 lớp tập huấn kiến thức pháp luật cho trên 300 Thẩm phán; tổ chức 08 hội nghị tập huấn...¹⁹. Có thể khẳng định đây là yếu tố tác động tích

cực đến việc áp dụng pháp luật TTHS về quy định GHXX sơ thẩm, đảm bảo cho các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng có cơ sở, niềm tin khi tiến hành các hoạt động TTHS giải quyết đúng đắn VAHS. Như vậy, một hệ thống pháp luật đầy đủ, nội dung hoàn chỉnh, có khả năng dự liệu trước các mối quan hệ xã hội mới có thể phát sinh, có ý nghĩa quyết định tính hiệu quả của các hoạt động nhà nước nói chung, trong đó có hoạt động tư pháp. Do đó, đòi hỏi đội ngũ thực hiện công tác lập pháp cũng phải đổi mới tư duy pháp luật, nâng cao trình độ, khả năng tiếp cận những thành tựu của khoa học công nghệ hiện đại, thường xuyên cập nhật kiến thức về kinh tế - xã hội để có thể đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới.

Thực tế cho thấy, công tác lập pháp còn “*xem nhẹ*” pháp luật tố tụng (luật hình thức). Trong một thời gian dài, với quan niệm chỉ là “*thủ tục tố tụng*” nên không được chú trọng, quy định trực tiếp đầy đủ các thủ tục, cơ chế phối hợp, giải quyết vấn đề triệt để... vào các đạo luật (bộ luật, luật) mà chủ yếu thể hiện trong các văn bản đơn hành có giá trị pháp lý dưới luật như Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán TANDTC, Thông tư liên ngành của các cơ quan chức năng,... Nhiều thủ tục quan trọng (đặc biệt là thủ tục phối hợp) chưa được “*luật hóa*” cụ thể

¹⁷ Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2018), *Báo cáo tổng kết công tác ngành Kiểm sát nhân dân năm 2018*.

¹⁸ Tòa án nhân dân tối cao (2018), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2018 và nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2019 của các Tòa án*, tr.9-11.

¹⁹ Tòa án nhân dân tối cao (2018), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2018 và nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2019 của các Tòa án*, tr.14.

hoặc có nhưng các quy định của pháp luật tố tụng mang tính chung chung, chưa đầy đủ. Trong khi đó, công tác giải thích pháp luật chính thức còn rất hạn chế, cùng với khả năng thực thi pháp luật của các chủ thể khác nhau dẫn đến tình trạng có thể hiểu, áp dụng theo nhiều cách khác nhau, kéo theo hệ lụy kết quả giải quyết vụ việc không đồng nhất; quyền lợi của tổ chức, cá nhân không được đảm bảo một cách đầy đủ. Chính thực trạng xây dựng pháp luật như hiện nay đã làm cho các cơ quan tiến hành tố tụng quá coi trọng các văn bản hướng dẫn (thậm chí công văn, ý kiến chỉ đạo của cấp trên) mà ít quan tâm đến các qui định trong bộ luật, luật. Mặt khác, pháp luật về tổ chức và hoạt động của các cơ quan hỗ trợ tư pháp cũng chưa đầy đủ, kịp thời; các cơ quan hỗ trợ tư pháp chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn hiện nay do thiếu về số lượng, kém về chất lượng.

2.3. Yếu tố cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật và các điều kiện khác

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, khoa học công nghệ phát triển như "vũ bão", nhiều máy móc, kỹ thuật hiện đại ra đời phục vụ đời sống xã hội. Thành tựu của chúng được ứng dụng vào nhiều lĩnh vực khác nhau như kinh tế, chính trị, nông nghiệp, du lịch,... tạo cơ hội cho người dân tiếp cận những công nghệ hiện đại, tối tân nhất có thể để thỏa mãn yêu cầu sinh hoạt, giúp cải thiện, nâng cao đời sống của người dân về vật chất lẫn tinh thần. Tuy nhiên, bên cạnh đó tình hình tội phạm cũng ngày càng phức tạp, tinh vi nhờ sự hỗ trợ, ứng dụng của khoa học kỹ thuật hiện đại, chẳng hạn vụ án tổ chức đánh bạc ở Thanh Hóa có tính chất xuyên quốc gia, sử dụng thành tựu của khoa học

công nghệ cao: các đường dây vận chuyển trái phép chất ma túy, mua bán người, mại dâm có tính chất xuyên quốc gia hầu hết sử dụng phương tiện máy móc kỹ thuật hiện đại,... Cho nên, một trong những yếu tố không kém phần quan trọng ảnh hưởng đến hoạt động TTHS đó là cơ sở vật chất và trang thiết bị, phương tiện làm việc. Thực tế cho thấy, nhiều trụ sở làm việc của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án được quan tâm xây dựng khang trang với thiết bị, phương tiện làm việc đầy đủ đáp ứng được yêu cầu của công việc. Đặc biệt do tính chất đặc thù của công tác điều tra nên trong ngành cũng đã trang bị những phương tiện làm việc cần thiết, hiện đại có thể đáp ứng được yêu cầu của công tác phòng, chống tội phạm có sử dụng công nghệ cao. Bên cạnh đó, Đảng và Nhà nước ta cũng quan tâm đến chính sách, chế độ cho đội ngũ làm công tác tư pháp để họ yên tâm, tập trung trí lực "phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân" như hỗ trợ trang phục ngành, phụ cấp ngành,...

Việc đầu tư trang bị cơ sở vật chất tuy có cải thiện, nhưng vẫn còn rất hạn chế so với yêu cầu phòng chống tội phạm trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0. Bằng chứng có nhiều VAHS sử dụng phương tiện kỹ thuật hiện đại, công nghệ cao đã gây rất nhiều khó khăn cho lực lượng cảnh sát, điều tra trong quá trình tiến hành tố tụng. Mặt khác, công tác tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ điều tra viên, KSV, thẩm phán trong việc sử dụng, ứng dụng máy móc, phương tiện kỹ thuật hiện đại phục vụ cho hoạt động TTHS cũng không được thường xuyên, hạn hẹp nên khi đối diện với những VAHS có tính chất thủ đoạn tinh vi, sử dụng phương tiện,

công nghệ cao thì cơ quan tiến hành tố tụng lại bị lúng túng, thụ động. Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc ở nhiều đơn vị, đặc biệt là cấp huyện còn thiếu thốn, hạn hẹp, việc đầu tư còn mang tính chấp vá, chưa có tính thống nhất trong toàn hệ thống⁽⁴⁾. Chế độ đãi ngộ đối với người công tác trong các cơ quan tiến hành tố tụng chưa được hợp lý. Cụ thể, hiện nay công chức Tòa án, VKS đang được "đánh đồng" là công chức nói chung theo Luật Cán bộ, công chức, nên dẫn đến việc chi trả tiền lương và các chính sách khác cũng được đánh đồng như vậy. Trong khi đó, những người tiến hành tố tụng đang phải gánh một khối lượng công việc và trách nhiệm khi tiến hành tố tụng rất lớn, đòi hỏi phải có những quy định về tiền lương và chế độ, chính sách mang tính đặc thù đối với từng chu thể trong quy trình tố tụng đủ để đảm bảo chăm lo tốt cho đời sống vật chất và tinh thần, quyết tâm đấu tranh với những biểu hiện tiêu cực. Đây cũng là một trong những yếu tố ảnh hưởng ít nhiều đến hiệu quả của hoạt động xét xử nói chung và việc áp dụng quy định về GHXX sơ thẩm nói riêng.

3. Yếu tố chủ quan tác động đến việc áp dụng quy định giới hạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

3.1. Yếu tố con người

Con người là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng của tất cả các hoạt động xã hội. Do đó, con người sẽ quyết định đến sự thành công hay thất bại của các hoạt động TTHS nói chung và hoạt động xét xử nói riêng. Mục đích TTHS là "cải" mà mọi hoạt động TTHS đều hướng đến trong quá trình giải quyết VAHS cụ thể. Nhưng để đạt được điều đó đòi hỏi

phải có một hệ thống các điều kiện đảm bảo thực hiện như: chủ trương, chính sách, pháp lý, cơ sở vật chất... trong đó một yếu tố quan trọng mang tính quyết định đó là con người. Nếu có một chủ trương đúng đắn, kịp thời; một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh; cơ sở vật chất đầy đủ, khang trang để tổ chức, thực hiện quyền tư pháp trong TTHS cũng chưa đủ, sẽ vô nghĩa nếu không có một đội ngũ cán bộ tư pháp có nhận thức tốt và năng lực chuyên môn nghiệp vụ tốt.

Về nhận thức: Phần lớn, đội ngũ cán bộ làm công tác tư pháp nhận thức sâu sắc lý luận chính trị của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, của Đảng và Nhà nước về nguyên tắc tổ chức xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN; nắm rõ chủ trương cải cách, đổi mới tư pháp, quy định pháp luật hình sự và TTHS trong giai đoạn "công nghiệp hóa, hiện đại hóa" và hội nhập kinh tế quốc tế. Theo báo cáo tổng kết của TANDTC năm 2018: có 2.391 công chức tòa án có trình độ cử nhân hoặc cao cấp chính trị; 4.442 người có trình độ trung cấp chính trị⁽⁵⁾; đối với ngành kiểm sát thì cử nhân, cao cấp chính trị có 2.526 người, trung cấp chính trị có 1.245 người⁽⁶⁾. Đội ngũ cán bộ, công chức ngành tư pháp đã phát huy và giữ vững bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức cách mạng "phụng sự Nhân dân", có lối sống lành mạnh, gắn bó với Nhân

⁽⁴⁾ Tòa án nhân dân tối cao (2018), Báo cáo tổng kết công tác năm 2018 và nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2019 của các Tòa án, tr.21.

⁽⁵⁾ Tòa án nhân dân tối cao (2018), Báo cáo tổng kết công tác năm 2018 và nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2019 của các Tòa án, tr.12.

⁽⁶⁾ Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2018), Báo cáo tổng kết về Công tác Cán bộ năm 2018.

dân: tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong công tác xét xử; góp phần đáng kể vào công cuộc xây dựng, phát triển đất nước bền vững, đảm bảo công bằng xã hội, đồng thời góp phần tạo môi trường minh bạch, thu hút các đối tác vào Việt Nam đầu tư, hoạt động.

Về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: Trình độ của đội ngũ cán bộ làm công tác điều tra, truy tố, xét xử ngày càng được chuẩn hóa. Điển hình, năm 2018 TANDTC đã tổ chức 04 kỳ thi tuyển chọn, nâng ngạch Thẩm phán cao cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp với 1.095 người tham gia dự thi với kết quả có 861 thí sinh đã vượt qua kỳ thi tuyển chọn, nâng ngạch Thẩm phán để xem xét trình Chủ tịch nước bổ nhiệm làm Thẩm phán (trong đó 13 người trúng tuyển Thẩm phán cao cấp; 350 người trúng tuyển Thẩm phán trung cấp và 498 người trúng tuyển Thẩm phán sơ cấp)⁽⁷⁾. Việc tuyển chọn, bổ nhiệm vào các chức danh Điều tra viên, KSV, Thẩm phán theo quy trình luật định tương đối đầy đủ. Thực tế cho thấy, có nhiều cán bộ kiểm sát, Tòa án có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ luật. Theo báo cáo của TANDTC, đội ngũ công chức: có 03 Giáo sư, Phó giáo sư; 47 tiến sĩ; 1.651 Thạc sĩ; 12.004 cử nhân; số còn lại có trình độ phù hợp với tiêu chuẩn chức danh, vị trí công tác đảm nhiệm⁽⁸⁾; đối với ngành kiểm sát thì trình độ tiến sĩ là 28, thạc sĩ là 587, cử nhân là 9.269 người⁽⁹⁾. Điều này tạo cơ sở rất thuận lợi trong việc tiếp cận, phân tích thông tin cũng như xử lý các tình tiết, áp dụng quy định pháp luật vào trong từng VAHS. Trong quá trình bổ nhiệm, quan điểm chính trị, đạo đức nghề nghiệp cũng được quan tâm đúng mức; đảm bảo những người làm

công tác pháp luật, tư pháp vừa có chuyên môn nghiệp vụ vừa có phẩm chất đạo đức chính trị tốt, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi ngày càng cao của xã hội và hội nhập quốc tế. Chính những quy định về điều kiện, tiêu chuẩn đó đã tạo cho đội ngũ cán bộ làm công tác tư pháp luôn phải tự “*nâng mình lên*” về trình độ, kỹ năng, nghiệp vụ; thường xuyên rèn luyện đạo đức, bản lĩnh cách mạng; có tinh thần thượng tôn pháp luật và hạn chế thấp nhất tình trạng oan sai xảy ra trong hoạt động TTHS. Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, sự hiện diện ngày càng lớn mạnh của đội ngũ luật sư đã góp phần giải quyết VAHS được khách quan, “*đúng người, đúng tội, đúng pháp luật*” và từng bước khẳng định vị trí, vai trò của mình trong việc xây dựng nền tư pháp dân chủ, tiến bộ XHCN.

Bên cạnh những mặt đạt được, thực tế cho thấy một số ít người tiến hành tố tụng không cập nhật kịp thời những nội dung mới trong bộ luật TTHS, bộ luật hình sự, không “*chịu khổ*” nghiên cứu văn bản hướng dẫn thi hành nên quá trình giải quyết VAHS không chính xác, phiến diện; chưa thật sự “*thấm nhuần*” những quy định mới của bộ luật TTHS về GHXX sơ thẩm, chưa nhận thức đầy đủ về tính độc lập của Thẩm phán và Hội thẩm khi xét xử; nguyên tắc tranh tụng; nguyên tắc suy đoán vô tội, quy định GHXX sơ thẩm,... nên trong quá trình áp dụng pháp luật liên quan bị thụ động, lúng túng. Mặt khác, hiện nay những tiêu cực

⁽⁷⁾ Tòa án nhân dân tối cao (2018). *Báo cáo tổng kết công tác năm 2018 và nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2019 của các Tòa án*. tr.12.

⁽⁸⁾ Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2015). *Báo cáo tổng kết về Công tác Cán bộ năm 2015*.

xã hội (đặc biệt là nạn hối lộ) đã và đang tấn công vào hệ thống cơ quan nhà nước nói chung và cơ quan tư pháp nói riêng, gây ra những tác hại không nhỏ, giảm sút lòng tin của nhân dân vào đội ngũ cán bộ. Đối với VKS, Tòa án, các đường dây chạy án, môi giới hối lộ, dẫn dắt vào con đường cờ bạc, rượu chè, mại dâm... đã và đang tấn công vào đội ngũ cán bộ của ngành trong đó có đội ngũ cán bộ tư pháp. Và khi KSV, Thẩm phán được phân công xét xử VAHS đã chấp nhận làm "nô lệ" cho các tiêu cực xã hội, coi hoạt động truy tố, xét xử như là sự ban ơn, trao đổi để với vinh, ngã giá thì chắc chắn rằng các quyết định áp dụng pháp luật TTHS, trong đó có quy định về GHXX sơ thẩm liên quan đến tội danh, mức hình phạt... sẽ bị biến dạng, sai lệch, meo mó và kèm theo đó là quyền lợi của một ai đó không được bảo vệ, thậm chí vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng¹⁰⁹. Một thực tế mà chúng ta phải thẳng thắn thừa nhận là bên cạnh một lực lượng đông đảo đội ngũ cán bộ tư pháp, KSV liêm khiết, công tâm và có trách nhiệm trong khi thực thi nhiệm vụ, thì vẫn còn một số ít đã bị sa ngã, bị cám dỗ, trở thành nạn nhân của tệ nạn hối lộ và tiêu cực xã hội. Điều này có thể thấy qua một số vụ án như: "Trương Văn Cam và đồng bọn"; vụ án tiêu cực đất đai ở Đồ Sơn, Hải Phòng; vụ án tổ chức đánh bạc ở Thanh Hóa... Trong năm 2018, ngành Kiểm sát có 28 công chức vi phạm và bị xử lý kỷ luật; ngành Tòa án đã xử lý kỷ luật 50 công chức Tòa án nhân dân địa phương do có hành vi vi phạm (trong đó, buộc thôi việc 07 trường hợp, cách chức 01 trường hợp, cảnh cáo 05 trường hợp...) và có 01 trường hợp bị truy cứu trách nhiệm hành sự¹¹¹.

Đội ngũ Luật sư, Giám định viên tư pháp trong một thời gian dài chưa chuyên nghiệp hóa, chưa được đào tạo bài bản về chuyên môn, bị ảnh hưởng bởi mặt trái của nền kinh tế thị trường, chưa thực sự vì công lý, vì bảo vệ quyền con người mà thực hiện vai trò, nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao. Thiết nghĩ, để các hoạt động TTHS nói chung được chính xác, hiệu quả, đúng căn cứ theo quy định của pháp luật, cần phải có các giải pháp cụ thể xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tư pháp vững mạnh, bản lĩnh, có lương tâm và đạo đức nghề nghiệp.

3.2. Công luận và dư luận xã hội

Trong thời đại thông tin hiện nay, công luận và dư luận xã hội đã và đang phát huy vai trò quan trọng, to lớn vào quá trình quản lý và phát triển đất nước. Sự đánh giá (tích cực và tiêu cực) của công luận và dư luận xã hội có một sức mạnh không nhỏ tác động vào tâm tư, suy nghĩ, hành động của từng cá nhân, tổ chức. Đối với hoạt động xét xử trong TTHS, việc áp dụng pháp luật Tòa án lại càng được công luận và dư luận xã hội quan tâm đặc biệt. Bởi lẽ, hoạt động xét xử là hoạt động trung tâm của quá trình TTHS, kết luận mang tính quyết định về số phận pháp lý của bên bị buộc tội; bảo vệ công lý, quyền con người trong TTHS. Mặt khác, hoạt động xét xử lại góp phần

¹⁰⁹ Trần Văn Quý (2011), "Những số tử ảnh hưởng đến hoạt động thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên", Trang thông tin Tỉnh ủy Bắc Giang, đăng cập nhật 26/5/2011.

¹¹¹ Viện Kiểm sát tối cao (2018), Báo cáo tổng kết công tác ngành Kiểm sát nhân dân năm 2018; Tòa án nhân dân tối cao (2018), Báo cáo tổng kết công tác năm 2018 và nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2019 của các Tòa án, tr.14

quan trọng vào việc giáo dục ý thức tôn trọng pháp luật, tôn trọng quy tắc của cuộc sống xã hội, ý thức đấu tranh phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật. Các phương tiện thông tin đại chúng là địa chỉ tin cậy để mọi công dân cung cấp thông tin và nhờ lên tiếng bảo vệ lợi ích hợp pháp. Những bài báo, những loạt phóng sự điều tra,... về những hành vi chạy tội, để lọt tội phạm hoặc truy cứu, xét xử không nghiêm minh của báo chí, công luận xã hội đã giúp ích rất nhiều cho các cơ quan, người tiến hành tố tụng thực hiện tốt việc điều tra, truy tố, xét xử. Điển hình: Vụ tiêu cực đất đai ở Đồ Sơn, Hải Phòng; vụ vi phạm trong quản lý nhập thuốc chống ung thư giả của VN Pharma; vụ nguyên phó Viện trưởng Viện Kiểm sát thành phố Đà Nẵng sàm sỡ bé gái ở thang máy chung cư hay vụ án "*Cố ý làm trái quy định của Nhà nước trong quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*" và "*Tham ô tài sản*" tại Tập đoàn dầu khí Việt Nam,... là những vụ án mà dư luận xã hội, công luận tốn nhiều "giấy viết" góp phần tích cực cho hoạt động TTHS trong quá trình giải quyết từng VAHS cụ thể.

Thực tiễn chứng minh, nếu công luận và dư luận xã hội phản ánh đúng đắn các tình tiết của vụ án, nhận định và bình luận một cách khách quan, không thiên vị để chờ phán quyết của cơ quan tiến hành tố tụng sẽ là điều hết sức thuận lợi cho KSV cũng như Thẩm phán trong quá trình tố tụng. Khi đó, tính giáo dục, thuyết phục của hoạt động tố tụng sẽ được nhân lên gấp nhiều lần trong đời sống xã hội. Trường hợp truy tố, xét xử không trên cơ sở pháp luật, thiên lệch không công bằng, không

ng nghiêm minh thì công luận và dư luận xã hội lại là "*người trọng tài*" nghiêm khắc lên tiếng, phát hiện và đòi hỏi công lý phải được thực thi. Nhưng nếu công luận và dư luận xã hội phản ánh cả tình tiết, sự việc một cách phiếm diện hoặc bình luận, nhận định một cách chủ quan, quá đà (khen hoặc chê; lên án hoặc bảo vệ quá mức) thì khi thực hiện chức năng của mình, KSV, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án sẽ phải chịu một áp lực không nhỏ từ công luận và dư luận xã hội. Trong những trường hợp nêu trên, KSV cũng như Thẩm phán phải có bản lĩnh, xem xét đánh giá tình tiết, chứng cứ một cách toàn diện để ra những quyết định, bản án đúng đắn mà không vì công luận và dư luận xã hội mà đánh mất tính độc lập, khách quan trong quá trình thực thi chức năng, nhiệm vụ; bảo vệ công lý góp phần đảm bảo công bằng xã hội, giữ vững an ninh trật tự xã hội. Qua đó cho thấy, yếu tố tác động của công luận và dư luận xã hội đến việc áp dụng pháp luật TTHS trong đó có quy định về giới hạn của việc xét xử sơ thẩm VAHS là không nhỏ, vì thế đòi hỏi đội ngũ cán bộ tư pháp nói chung, KSV, Thẩm phán nói riêng phải luôn nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực chuyên môn, lấy "*pháp luật là thước đo sự đúng đắn của các quyết định*" trong quá trình tiến hành tố tụng.

4. Kết luận

"*Giới hạn của việc xét xử sơ thẩm*" là chế định có nhiều thay đổi trong lịch sử phát triển của pháp luật tố tụng hình sự nước ta và luôn là vấn đề thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu cũng như của giới làm công tác thực tiễn. Vì thế, xác định đúng và đầy đủ những yếu tố tác

động, ảnh hưởng đến việc áp dụng quy định giới hạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn nội dung, ý nghĩa của quy định này trong Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam. Từ đó, có định hướng xây dựng chính sách pháp luật; hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự, có chính sách bồi dưỡng, đào tạo cán bộ làm công tác tư pháp đáp ứng yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp và đấu tranh phòng, chống tội phạm một cách chủ động và hiệu quả trong thời kỳ khoa học cách mạng công nghiệp 4.0.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2005). *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về chiến lược xây dựng và hoàn thiện pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*. Hà Nội.
2. Bộ Chính trị (2005). *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*. Hà Nội.
3. Bộ Chính trị (2014). *Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014 về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*. Hà Nội.
4. *Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam năm 2015*.
5. Phan Vinh Chuyển (2017). *Giới hạn xét xử sơ thẩm theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng*. Luận văn thạc sĩ, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. *Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014*.

7. *Luật Tổ chức Viện Kiểm sát năm 2014*.

8. Đoàn Đức Lương (2008). "Những yếu tố tác động đến hoạt động xét xử và nhu cầu, phương hướng nâng cao hiệu quả ở nước ta hiện nay". *Tạp chí Đại học Huế* (số 17). Tp Huế.

9. Phạm Hồng Phong (2015). "Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện nguyên tắc tranh tụng (trong hoạt động xét xử)". Trang thông tin "Người bảo vệ quyền lợi" - trang web của Trung tâm tư vấn pháp luật Tp. Hồ Chí Minh - Trung ương Hội luật gia Việt Nam, đăng cập nhật 19/5/2015.

10. Trần Văn Quý (2011). "Những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên", Trang thông tin Tỉnh ủy Bắc Giang, đăng cập nhật 26/5/2011.

11. Nguyễn Thị Thúy (2019). "Vai trò của Nhà nước trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 với sự phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam hiện nay", Trang thông tin Tạp chí Cộng sản, đăng cập nhật ngày 07/3/2019, Hà Nội.

12. Tòa án nhân dân tối cao (2018). *Báo cáo tổng kết công tác năm 2018 và nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2019 của các Tòa án*

13. Võ Khánh Vinh (2011). *Sách chuyên khảo "Xã hội học pháp luật những vấn đề cơ bản"*. Nxb. Khoa học xã hội Hà Nội.

14. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2015). *Báo cáo tổng kết về Công tác Cán bộ năm 2015*.

15. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2018). *Báo cáo tổng kết công tác ngành Kiểm sát nhân dân năm 2018*.